

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TÊN HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	SỐ: 9399
	Giới: Ngày 16 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	14 - 34
8. Phụ lục	35

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Hùng Vương (tên giao dịch là Hung Vuong Corporation) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000053 ngày 15 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 02 tháng 2 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh địa ốc.
- Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 24 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 22 tháng 7 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 04 tháng 9 năm 2009 về việc bổ sung thành lập chi nhánh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 600.000.000.000 VND

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Số cổ phần cổ đông sáng lập mua: 12.000.000 cổ phần

Số cổ phần chào bán: 48.000.000 cổ phần

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Họ và tên	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Dương Ngọc Minh	9.000.000	90.000.000.000	15,00
Ông Lê Nam Thành	1.500.000	15.000.000.000	2,50
Ông Nguyễn Quốc Thái	1.500.000	15.000.000.000	2,50
Cộng	12.000.000	120.000.000.000	20,0

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : (073).3.854.247

Fax : (073).3.854.248

Mã số thuế : 1200507529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh kho lạnh An Lạc	Lô số 10 đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh kho lạnh An Lạc II	Lô số 18-20 đường Trung tâm, Khu Công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh kho lạnh An Lạc III	C10-C12 xã Hiệp Phước, đường số 9, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện	144 Châu Văn Liêm, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng hải sản xuất khẩu;
- Chế biến hải sản xuất khẩu;
- Chế biến thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh kho lạnh;
- Kinh doanh địa ốc.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2009, mặc dù doanh thu xuất khẩu từ sản phẩm chính là cá fillet giảm mạnh nhưng trong năm Công ty đã đưa thêm 01 kho lạnh vào hoạt động và có thêm hoạt động mới là kinh doanh bã đậu nành nên doanh thu cả năm tăng 78,4 tỷ VND so với năm trước.

Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty cổ phần Châu Âu, Công ty cổ phần địa ốc An lạc và chuyển hướng đầu tư góp vốn lâu dài vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34)

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận năm 2008 và năm 2009 như sau:

	Năm 2009	Năm 2008	
- Chia lãi cho các cổ đông	59.999.993.000	49.488.000.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.234.464.677	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	8.234.464.677	VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	8.234.464.677	VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGF). Số lượng cổ phiếu AGF mà Công ty nắm giữ sau đợt chào mua là 6.568.466 cổ phiếu tương ứng với 51,08% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của AGF và AGF chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên	30 tháng 1 năm 2007	-
Ông Hà Việt Thắng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Lô Bằng Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Nam Hải	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Trần Thanh Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-
Ông Võ Minh Phương	Thành viên	12 tháng 4 năm 2008	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Ngọc Minh	30 tháng 1 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2010



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters	: 229 Dong Khoi St., District 1, Ho Chi Minh City	- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi	: 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City	- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa	: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City	- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho	: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City	- Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0496/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty cổ phần Hùng Vương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2010, từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Các vấn đề chưa thống nhất

Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền ước tính là 8,3 tỷ đồng liên quan đến khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán phát sinh trong năm.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Các thông tin phục vụ cho việc xem xét mức độ giảm giá (nếu có) của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần địa ốc An Lạc căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của đơn vị này. Các thông tin phục vụ cho việc xem xét mức độ giảm giá (nếu có) của khoản đầu tư vào Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Hùng Vương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tổng hợp đến thuyết minh VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 26.340.464.534 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Hoàng Thị Thu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0101/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.552.728.390.680	1.697.313.516.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	75.408.458.322	21.088.836.874
1. Tiền	111		75.408.458.322	21.088.836.874
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	91.591.360.891
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	345.049.417.123
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(253.458.056.232)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.716.495.873.256	1.137.582.545.452
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.435.527.775.740	818.420.147.734
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	265.579.041.586	315.417.058.305
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	18.571.708.686	5.016.260.977
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3.182.652.756)	(1.270.921.564)
IV. Hàng tồn kho	140		614.532.799.663	430.269.756.826
1. Hàng tồn kho	141	V.7	614.532.799.663	430.269.756.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		146.291.259.439	16.781.016.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	13.500.000	1.214.999.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.901.493.981	6.632.483.079
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2.594.171.671	6.424.461.114
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	57.782.093.787	2.509.072.617

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		883.622.036.390	671.808.272.090
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		267.303.998.837	251.326.588.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	197.546.393.721	92.088.575.119
<i>Nguyên giá</i>	222		256.913.111.483	135.200.068.439
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.366.717.762)	(43.111.493.320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	51.835.680.514	53.043.727.877
<i>Nguyên giá</i>	228		54.896.214.822	54.896.214.822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.060.534.308)	(1.852.486.945)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	17.921.924.602	106.194.285.251
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		598.945.685.162	420.300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	309.570.256.194	237.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	291.926.747.697	182.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(2.551.318.729)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.372.352.391	181.683.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	17.372.352.391	181.683.843
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.436.350.427.070	2.369.121.788.942

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.665.747,95	719.075,36
Euro (EUR)		28.341,65	277,17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng



Tiền Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.962.579.085.288	2.884.188.178.801
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.313.689.345	16.301.571.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.950.265.395.943	2.867.886.607.368
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.520.843.242.453	2.258.077.183.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		429.422.153.490	609.809.424.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	141.903.973.591	65.559.833.351
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.997.234.845	308.425.642.293
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.171.552.733	46.096.835.305
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	174.029.113.026	246.392.900.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	28.392.860.813	18.323.240.841
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		359.906.918.397	102.227.473.906
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.309.603.055	1.927.748.805
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.743.582.952	739.609.748
13. Lợi nhuận khác	40		8.566.020.103	1.188.139.057
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		368.472.938.500	103.415.612.963
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	34.800.605.447	3.902.264.038
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	636.117.596	822.002.489
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>333.036.215.457</u>	<u>98.691.346.436</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		


Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Tiền Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		368.472.938.500	103.415.612.963
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V11; V12	22.684.980.623	18.357.918.409
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; VI.6	(248.995.006.311)	254.492.086.768
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(9.410.599.232)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.4; VI.7; VI.8	70.926.652.501	(23.334.169.350)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	56.171.552.733	46.096.835.305
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		269.261.118.046	389.617.684.863
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(638.714.841.026)	(420.587.761.870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(186.960.111.063)	(204.794.316.864)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		305.455.654.095	91.316.735.215
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.989.168.549)	(840.229.854)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23; VI.4	(60.183.329.035)	(40.907.576.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	-	(2.427.738.217)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.558.490.840	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(81.075.649.407)	(7.750.494.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(402.647.836.099)	(196.373.698.118)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.11; V.13; V.19	(25.285.184.718)	(198.203.396.244)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	330.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(88.904.863.303)	(710.679.266.390)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		95.699.806.000	200.329.849.267
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	94.521.724.486	18.152.933.177
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		76.031.482.465	(690.069.880.190)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm các loại.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Năm 2009, mặc dù doanh thu xuất khẩu từ sản phẩm chính là cá fillet giảm mạnh nhưng trong năm Công ty đã đưa thêm 01 kho lạnh vào hoạt động và có thêm hoạt động mới là kinh doanh bã đậu nành nên doanh thu cả năm tăng 78,4 tỷ VND so với năm trước.

Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty cổ phần Châu Âu, Công ty cổ phần địa ốc An lạc và chuyển hướng đầu tư góp vốn lâu dài vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2009 là năm tài chính thứ ba của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	6
Tài sản cố định khác	3

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (44 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 04 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm và 25% cho các năm còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.596.689.452	3.833.307.402
Tiền gửi ngân hàng (*)	71.811.768.870	17.255.529.472
Cộng	<u>75.408.458.322</u>	<u>21.088.836.874</u>

(*) Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	270.145.859.426
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang	-	74.903.557.697
Cộng	<u>-</u>	<u>345.049.417.123</u>

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng trong nước	142.849.938.076	28.804.352.184
Phải thu khách hàng nước ngoài	1.292.677.837.664	789.615.795.550
Cộng	<u>1.435.527.775.740</u>	<u>818.420.147.734</u>

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua tài sản cố định	3.979.186.504	30.212.244.000
Trả trước khác	261.599.855.082	285.204.814.305
Cộng	<u>265.579.041.586</u>	<u>315.417.058.305</u>

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương Miền Tây – cổ tức phải thu	8.000.000.000	-
Công ty TNHH An Lạc – cổ tức phải thu	-	3.041.956.071
Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long – cổ tức phải thu	-	1.869.780.111
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Vĩnh Lợi - cho mượn	10.000.000.000	-
Phải thu khác	571.708.686	104.524.795
Cộng	<u>18.571.708.686</u>	<u>5.016.260.977</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	574.112.000	1.040.791.756
Nguyên liệu, vật liệu	2.620.264.351	4.047.144.116
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.277.639.544	-
Thành phẩm	549.772.140.264	407.715.774.964
Hàng hóa	9.288.643.504	2.697.068.226
Hàng gửi đi bán	-	14.768.977.764
Cộng	614.532.799.663	430.269.756.826

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí bảo trì	464.999.999	-	(464.999.999)	-
Chi phí bảo hiểm	750.000.000	-	(750.000.000)	-
Công cụ, dụng cụ	-	184.986.673	(184.986.673)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	18.000.000	(4.500.000)	13.500.000
Cộng	1.214.999.999	202.986.673	(1.404.486.672)	13.500.000

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế nhập khẩu nộp thừa	2.594.171.671	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	6.424.461.114
Cộng	2.594.171.671	6.424.461.114

10. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	52.149.167.498	69.894.250.074	10.685.024.970	2.214.270.897	257.355.000	135.200.068.439
Tăng trong năm	122.174.158.071	2.575.451.684	12.173.625.832	120.302.432	21.850.000	137.065.388.019
Mua sắm mới	1.864.398.616	1.226.917.571	12.173.625.832	120.302.432	21.850.000	15.407.094.451
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	120.309.759.455	-	-	-	-	120.309.759.455
Tăng khác	-	1.348.534.113	-	-	-	1.348.534.113
Giảm trong năm	-	(15.352.344.975)	-	-	-	(15.352.344.975)
Góp vốn	-	(13.850.119.696)	-	-	-	(13.850.119.696)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.502.225.279)	-	-	-	(1.502.225.279)
Số cuối năm	174.323.325.569	57.117.356.783	22.858.650.802	2.334.573.329	279.205.000	256.913.111.483
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.646.265.224	377.062.235	-	332.986.546	144.855.000	9.501.169.005

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.691.920.937	24.934.702.124	749.539.788	565.019.915	170.310.556	43.111.493.320
Khấu hao trong năm	10.989.858.226	7.149.284.929	2.659.427.049	636.726.112	41.636.944	21.476.933.260
Giảm trong năm	-	(5.221.708.818)	-	-	-	(5.221.708.818)
Góp vốn	-	(3.781.766.215)	-	-	-	(3.781.766.215)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.439.942.603)	-	-	-	(1.439.942.603)
Số cuối năm	27.681.779.163	26.862.278.235	3.408.966.837	1.201.746.027	211.947.500	59.366.717.762
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	35.457.246.561	44.959.547.950	9.935.485.182	1.649.250.982	87.044.444	92.088.575.119
Số cuối năm	146.641.546.406	30.255.078.548	19.449.683.965	1.132.827.302	67.257.500	197.546.393.721

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 86.563.572.118 VND và 44.953.874.611 VND đã được thế chấp và cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn.

Kho lạnh An Lạc tại số 10 Lô Trung tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 20.655.833.475 VND và 15.859.011.716 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.884.382.792	11.832.030	54.896.214.822
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	54.884.382.792	11.832.030	54.896.214.822
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.849.106.365	3.380.580	1.852.486.945
Khấu hao trong năm	1.205.149.723	2.897.640	1.208.047.363
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	3.054.256.088	6.278.220	3.060.534.308
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	53.035.276.427	8.451.450	53.043.727.877
Số cuối năm	51.830.126.704	5.553.810	51.835.680.514

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.662.098.226 VND và 2.311.244.878 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	106.194.285.251	46.519.873.738	(120.309.759.455)	(14.482.474.932)	17.921.924.602
Công trình nhà tiền chế	17.213.226.969	-	(17.213.226.969)	-	-
Công trình kho lạnh An Lạc	88.981.058.282	28.597.949.136	(103.096.532.486)	(14.482.474.932)	-
Công trình tại khu công nghiệp Hiệp Phước	-	17.921.924.602	-	-	17.921.924.602
Cộng	106.194.285.251	46.519.873.738	(120.309.759.455)	(14.482.474.932)	17.921.924.602

14. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH An Lạc	90%	90%	37.800.000.000
Công ty TNHH Châu Á	90%	90%	54.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long	90%	90%	54.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Sà Đức	70%	70%	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Châu Âu	70%	84,56%	121.770.256.194
Cộng			309.570.256.194

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	48%	37%	144.000.000.000
Công ty TNHH Nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	48%	48%	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang (*)	-	21,92%	75.926.747.697
Cộng			291.926.747.697

(*) Trong đó 2.700.000 cổ phiếu có giá trị là 72.735.388.251 VND được cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Số đầu năm	-
Tăng trong năm	2.551.318.729
Hoàn nhập trong năm	-
Số cuối năm	2.551.318.729

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Châu Âu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	181.683.843	17.049.546.969	(1.553.574.381)	15.677.656.431
Tiền thuê đất	-	600.000.000	-	600.000.000
Giá trị Fitting theo hợp đồng 20114/M&E	-	1.094.695.960	-	1.094.695.960
Cộng	181.683.843	18.744.242.929	(1.553.574.381)	17.372.352.391

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn ^(a)	2.000.000.000	51.767.032.200
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	65.083.994.039	95.027.568.323
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	275.539.790.645	223.085.858.288
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(d)	230.940.518.133	291.590.507.235
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(e)	29.000.000.000	45.996.800.000
Ngân hàng ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(f)	56.627.287.707	32.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (TP. Hà Nội) - Chi nhánh Chợ Lớn ^(g)	105.931.272.748	-
Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex (Tỉnh Đồng Tháp) - Chi nhánh Sài Gòn ^(h)	107.534.143.540	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	357.700.000.000	-
Cộng	1.230.357.006.812	739.467.766.046

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Chợ Lớn thời hạn 6 tháng với lãi suất 12% để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng tọa lạc tại Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang trị giá 21,185 tỷ đồng; Cầm cố toàn bộ máy móc, thiết bị đặt tại nhà xưởng tọa lạc tại Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang trị giá 15,761 tỷ đồng và cầm cố thành phẩm cá tra fillet trị giá 34 tỷ đồng. Ngoài các tài sản nêu trên, Công ty cam kết sẽ thế chấp phần nhà xưởng tăng thêm sau khi hoàn tất các thủ tục về quyền sở hữu.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng giá trị của hàng hóa tồn kho và các khoản phải thu của Công ty với trị giá ít nhất 9.500.000 USD và được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi trong tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng với trị giá ít nhất 10% trị giá tiền ích Mở tín dụng chứng từ.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng để bổ sung vốn lưu động và chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 94 - 96 Phạm Đình Hồ, phường 2, quận 6, TP. Hồ Chí Minh; nhà xưởng, nhà kho tại Ấp Phong Thuận, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền với đất là kho lạnh An Lạc tại số 10 Lô Trung tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, hạn mức 500 tỷ, thời hạn vay 6 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất có truy đòi. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ bộ chứng từ hàng xuất, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu khác mà công ty cổ phần Hùng Vương là người thụ hưởng.
- (e) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thời hạn 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 2.700.000 cổ phiếu của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.
- (f) Khoản vay Ngân hàng ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thời hạn 3 tháng để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và bảo lãnh cá nhân của Ông Dương Ngọc Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.
- (g) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn thời hạn không quá 9 tháng theo từng mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu và hàng tồn kho của Công ty với giá trị của tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 150% nghĩa vụ được đảm bảo.
- (h) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn thời hạn 6 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thế chấp L/C và chiết khấu bộ chứng từ.
- (i) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long thời hạn 148 ngày kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2009 để thanh toán tiền mua hàng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố hợp đồng tiền gửi trị giá 1,5 tỷ tại ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	739.467.766.046
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.004.174.451.080
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.518.435.728.742)
Chênh lệch tỷ giá	5.150.518.428
Số cuối năm	1.230.357.006.812

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả mua tài sản cố định	6.481.059.224	9.778.850.961
Phải trả các nhà cung cấp khác	243.432.067.774	152.796.750.197
Cộng	249.913.126.998	162.575.601.158

20. Người mua trả tiền trước

Khoản khách hàng trả trước tiền mua thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	67.394.687	(67.394.687)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.050.918.498	(27.050.918.498)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	202.244.800	2.340.791.860	(5.137.208.331)	(2.594.171.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.424.461.114)	34.800.605.447	-	28.376.144.333
Thuế thu nhập cá nhân	38.788.931	216.000	(68.700)	38.936.231
Các loại thuế khác	-	694.747.355	-	694.747.355
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	(6.116.032.696)	64.822.884.473	(32.191.195.529)	26.515.656.248

(*) Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày trên khoản mục thuế và các khoản khác phải thu nhà nước (xem thuyết minh V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Năm 2009 là năm thứ 6 công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Ngoài ra, Công ty còn được hưởng ưu đãi giảm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt trên 50% tổng doanh thu. Tuy nhiên, Công ty không được hưởng ưu đãi đối với các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm theo hướng dẫn của Thông tư 130/2008/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	368.472.938.500	103.415.612.963
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	774.931.498	679.109.607
- Các khoản điều chỉnh giảm	(139.607.764.416)	(31.350.557.480)
Tổng thu nhập chịu thuế	229.640.105.582	72.744.165.090
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất	125.251.170.283	71.285.241.650
- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập khác	104.388.935.299	1.458.923.440
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Đối với hoạt động sản xuất	15%	15%
- Đối với hoạt động dịch vụ và thu nhập khác	25%	28%

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<i>44.884.909.367</i>	<i>11.101.284.811</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</i>	<i>(11.007.300.937)</i>	<i>(7.199.020.773)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>922.997.017</i>	<i>-</i>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>34.800.605.447</u>	<u>3.902.264.038</u>
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
22. Phải trả người lao động		
Tiền lương tháng 13 còn phải trả.		
23. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo trì	-	762.000.000
Chi phí lãi vay	1.855.252.890	5.867.029.192
Chi phí vận chuyển	-	466.236.941
Chi phí hội chợ	599.239.362	1.064.418.810
Chi phí khác	196.762.330	291.488.748
Cộng	<u>2.651.254.582</u>	<u>8.451.173.691</u>
24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	723.256.106	821.015.944
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam - mượn tiền	13.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc - mượn tiền	35.300.000.000	-
Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long - mượn tiền	118.920.550.000	-
Công ty cổ phần Châu Âu - mượn tiền	43.114.945.401	-
Công ty TNHH Châu Á - mượn tiền	7.000.000.000	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu lâm thủy sản Bến Tre - phí ủy thác xuất khẩu	-	1.161.267.895
Hợp tác xã Thới An và các cá nhân - tiền ứng nuôi cá	17.358.600.644	-
Phải trả khác	98.602.911	104.711.000
Cộng	<u>239.515.955.062</u>	<u>17.086.994.839</u>
25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	705.794.942	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	636.117.596	
Số cuối năm	<u>1.341.912.538</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	453.647.016
Số trích lập trong năm	1.474.986.750
Số chi trong năm	-
Số cuối năm	1.928.633.766

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 35.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	49.488.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	59.999.993.000
Cộng	109.487.993.000

Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.000.000	49.488.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu thường	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu thường	59.999.993	49.488.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	(553.682.932)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm	8.234.464.677
Chi quỹ trong năm	(12.737.558.687)
Số cuối năm	(5.056.776.942)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.962.579.085.288	2.884.188.178.801
- Doanh thu bán hàng hóa	416.881.486.216	1.030.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	2.311.280.134.818	2.598.652.813.803
- Doanh thu bán phụ phẩm	173.384.041.264	259.985.446.374
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.481.527.890	15.372.498.724
- Doanh thu bán hóa chất	9.551.895.100	9.147.419.900
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.313.689.345)	(16.301.571.433)
- Giảm giá hàng bán	(4.564.441.265)	(13.957.500.649)
- Hàng bán bị trả lại	(7.749.248.080)	(2.344.070.784)
Doanh thu thuần	2.950.265.395.943	2.867.886.607.368
- Doanh thu bán hàng hóa	416.881.486.216	1.030.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	2.298.966.445.473	2.582.351.242.370
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.384.041.264	15.372.498.724
- Doanh thu bán phụ phẩm	51.481.527.890	259.985.446.374
- Doanh thu bán hóa chất	9.551.895.100	9.147.419.900

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	400.281.465.861	970.825.686
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	1.918.407.830.398	1.976.441.938.613
Giá vốn của phụ phẩm	173.058.977.574	259.985.446.374
Giá vốn hoạt động dịch vụ	22.418.605.360	12.303.883.477
Giá vốn của hóa chất	6.676.363.260	8.375.089.208
Cộng	2.520.843.242.453	2.258.077.183.358

^(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.715.287.151.992	1.978.561.795.557
Chi nhân công trực tiếp	32.578.765.064	37.375.041.658
Chi phí sản xuất chung	216.301.871.302	264.848.790.957
Tổng chi phí sản xuất	1.964.167.788.358	2.280.785.628.172
Giảm do bán phụ phẩm	(171.676.092.114)	(259.985.446.374)
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(52.277.639.544)	-
Tổng giá thành sản xuất	1.740.214.056.700	2.020.800.181.798
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(142.056.365.300)	(200.211.164.296)
Cộng thành phẩm mua ngoài	320.250.138.998	156.255.297.759
Thành phẩm gửi bán	-	(402.376.648)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.918.407.830.398	1.976.441.938.613

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	667.540.592	948.796.334
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.272.008.785	1.124.711.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.557.532.798	21.939.958.248
Lãi bán ngoại tệ	321.983.501	18.077.256.757
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.913.502.786
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.057.316.087	12.555.608.115
Lãi hoạt động tài chính khác	27.591.828	-
Cộng	<u>141.903.973.591</u>	<u>65.559.833.351</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	56.171.552.733	46.096.835.305
Lỗ bán ngoại tệ	504.838.828	3.287.486.689
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.502.903.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.778.621.865	4.080.360.513
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	174.446.053.426	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(250.906.737.503)	253.458.056.232
Chi phí tài chính khác	2.905.496	-
Cộng	<u>8.997.234.845</u>	<u>308.425.642.293</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.736.054.744	-
Chi phí vận chuyển	162.204.243.509	221.913.384.336
Chi phí lưu kho	-	6.993.370.063
Chi phí xuất khẩu	1.771.976.537	11.369.701.292
Chi phí quảng cáo	8.303.264.316	3.903.061.801
Chi phí khác	13.573.920	2.213.382.829
Cộng	<u>174.029.113.026</u>	<u>246.392.900.321</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.269.321.149	2.668.012.476
Chi phí công cụ sản xuất	303.909.779	626.416.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.156.408.790	154.339.303
Thuế, phí và lệ phí	191.288.370	3.857.000
Chi phí dự phòng	1.911.731.192	1.274.617.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.583.758.991	7.115.402.737
Chi phí khác	13.976.442.542	6.480.594.793
Cộng	<u>28.392.860.813</u>	<u>18.323.240.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	330.000.000
Xử lý công nợ	6.875.665.950	1.108.024.161
Lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác	1.303.368.600	-
Phí nhận ủy thác xuất khẩu	-	329.579.945
Thu tiền bồi thường bảo hiểm bể đập nành	1.847.874.313	-
Thu nhập khác	282.694.192	160.144.699
Cộng	10.309.603.055	1.927.748.805

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	62.282.676	60.500.009
Khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng	-	679.109.607
Thuế GTGT 2009 không được khấu trừ do thanh toán bằng tiền mặt trên 20.000.000 VND	1.332.667.540	-
Phí bảo vệ môi trường năm 2008	266.735.700	-
Chi phí khác	1.681.300.276	132
Cộng	1.743.582.952	739.609.748

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	116.207.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	636.117.596	705.794.942
Cộng	636.117.596	822.002.489

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.723.120.107.465	1.982.306.982.362
Chi phí nhân công	48.093.394.976	47.162.736.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.684.980.623	17.678.808.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.096.798.926	273.460.458.623
Chi phí khác	138.013.085.567	236.956.404.270
Cộng	2.189.008.367.557	2.557.565.390.794

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã kết thúc đợt chào mua công khai cổ phiếu của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGF). Số lượng cổ phiếu AGF mà Công ty nắm giữ sau đợt chào mua là 6.568.466 cổ phiếu tương ứng với 51,08% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của AGF và AGF chính thức trở thành công ty con của Công ty.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương	408.000.000	371.330.000
Thưởng	68.000.000	36.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	280.144	1.487.160
Cộng	476.280.144	408.817.160

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH An Lạc	Công ty con chiếm 90% vốn điều lệ
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con chiếm 90% vốn điều lệ
Công ty TNHH Hùng Vương-Vĩnh Long	Công ty con chiếm 90% vốn điều lệ
Công ty TNHH Hùng Vương Sađéc	Công ty con chiếm 70% vốn điều lệ
Công ty cổ phần Châu Âu	Công ty con chiếm 70% vốn điều lệ
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc	Công ty liên kết chiếm 48% vốn điều lệ
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Công ty liên kết chiếm 48% vốn điều lệ
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương - Tây Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần địa ốc An Lạc</i>		
Mượn tiền	35.300.000.000	-
Chuyển tiền góp vốn đầu tư	-	35.500.000.000
<i>Công ty TNHH An Lạc</i>		
Chi phí thuê gia công cá	30.527.606.570	53.038.508.725
Mua cá thành phẩm	-	1.099.384.000
Bán bao bì, hóa chất	-	2.839.562.000
Bán thành phẩm và hàng hóa	43.496.626.000	31.731.970.757
Cổ tức được chia	13.489.013.034	3.041.956.071

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Châu Á</i>		
Chi phí thuê gia công cá	67.695.306.460	72.227.104.640
Mượn tiền	8.800.000.000	-
Cổ tức được chia	-	11.808.222.066
<i>Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long</i>		
Chi phí gia công thành phẩm	18.428.593.080	50.799.360.570
Mua thành phẩm	150.309.991.920	66.533.880.525
Bán thành phẩm	108.554.752.960	52.700.831.693
Bán hóa chất	6.772.372.200	5.161.009.600
Chuyển tiền góp vốn	-	37.800.000.000
Mượn tiền	128.420.550.000	-
Giảm cổ tức được chia 2007	(1.869.780.111)	
Cổ tức được chia 2008	837.686.017	1.869.780.111
<i>Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương – Miền Tây</i>		
Doanh thu cho thuê nhà	-	60.000.000
Mua cá nguyên liệu	1.225.378.394.445	595.813.036.380
Cổ tức được chia	23.520.829.528	-
<i>Công ty TNHH Hùng Vương Sadéc</i>		
Chi phí gia công thành phẩm	13.980.666.150	27.240.776.724
Bán hàng hóa	1.584.786.900	1.030.000.000
Bán tài sản cố định	-	330.000.000
Chuyển tiền góp vốn	-	42.000.000.000
Cho mượn tiền	50.000.000.000	-
Mua cá nguyên liệu	141.297.654.128	-
Mua hàng hóa	270.834.300	-
<i>Công ty cổ phần Châu Âu</i>		
Góp vốn	71.770.256.194	50.000.000.000
Mượn tiền	43.114.945.401	-
Chi phí gia công thành phẩm	6.128.027.162	-
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam</i>		
Mượn tiền	27.800.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH An Lạc		
Cổ tức chưa thu	-	3.041.956.071
Phải thu tiền bán thành phẩm và hàng hóa	32.010.573.408	-
Công ty cổ phần nuôi trồng thủy sản Hùng Vương – Miền Tây		
Trả trước tiền mua nguyên liệu cá	235.610.189.509	275.176.963.620
Phải thu tiền cho thuê nhà	-	75.000.000
Phải thu tiền cho mượn	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long		
Phải thu tiền bán thành phẩm và hàng hóa	60.268.938.418	-
Cổ tức chưa thu	182.000	1.869.780.111
Công ty TNHH Hùng Vương – Sa Đéc		
Phải thu tiền bán hàng hóa	1.571.233.055	-
Cộng nợ phải thu	<u>337.461.116.390</u>	<u>280.163.699.802</u>
Công ty TNHH An Lạc		
Phải trả tiền mua thành phẩm	-	6.223.466.687
Công ty cổ phần địa ốc An Lạc		
Phải trả tiền mượn	35.300.000.000	-
Công ty TNHH Châu Âu		
Phải trả tiền thuê gia công cá	6.434.428.520	-
Phải trả tiền mượn	43.114.945.401	-
Công ty TNHH Châu Á		
Phải trả tiền thuê gia công cá	68.730.071.782	71.600.269.145
Phải trả tiền mượn	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Hùng Vương – Vĩnh Long		
Phải trả tiền gia công thành phẩm	23.665.514.250	4.272.262.189
Phải trả tiền mượn	118.920.550.000	-
Công ty TNHH Hùng Vương Sa Đéc		
Phải trả tiền gia công thành phẩm	-	6.251.264.548
Phải trả tiền mua thành phẩm	58.140.850.840	-
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương – Tây Nam		
Phải trả tiền mượn	13.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>374.306.360.793</u>	<u>88.347.262.569</u>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

34

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44 Khu công nghiệp Mỹ Tho, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	394.000.000.000	627.100.000.000	-	13.138.747.243	14.598.608.050	115.526.905.493	1.164.364.260.786
Tăng vốn trong năm	100.880.000.000	178.600.000.000	-	-	-	-	279.480.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	98.691.346.436	98.691.346.436
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(116.742.700.000)	(116.742.700.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	6.681.158.998	7.126.225.417	(21.062.327.995)	(7.254.943.580)
Số dư cuối năm trước	494.880.000.000	805.700.000.000	-	19.819.906.241	21.724.833.467	76.413.223.934	1.418.537.963.642
Số dư đầu năm nay	494.880.000.000	805.700.000.000	-	19.819.906.241	21.724.833.467	76.413.223.934	1.418.537.963.642
Tăng vốn trong năm	105.119.930.000	(98.975.930.000)	-	-	-	-	6.144.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	333.036.215.457	333.036.215.457
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(109.487.993.000)	(109.487.993.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	8.234.464.677	8.234.464.677	(24.703.394.032)	(8.234.464.678)
Các khoản khác	-	-	26.340.464.534	-	-	-	26.340.464.534
Số dư cuối năm nay	599.999.930.000	706.724.070.000	26.340.464.534	28.054.370.918	29.959.298.144	275.258.052.359	1.666.336.185.955

Tiền Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2010



(Signature)

Trần Hiếu Hòa
Kế toán trưởng

Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc